

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).
Năm báo cáo: 2016**



Tháng 04/2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 37541889 - Fax: (84.8) 37541808.
- Website: www.aptc.com.vn - Email: aptc@aptc.com.vn
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế Hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 07 ngày 25/06/2013.
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Kinh doanh Thủy hải sản thành Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

Công ty APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 142, DL 769, HK 155, HK 156.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã năm (06) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ bảy số 0300523755 ngày 25/06/2013.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.

- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.
- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005-2006-2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010-2011-2013-2014, **2017** Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

+ Năm 2016, **“đạt chứng nhận VietGap”**, chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn **“chuỗi sản phẩm an toàn”**.

b. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành | Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc; |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài). |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người đại diện vốn Nhà nước, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác (*đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008*).

Tháng 07/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người đại diện vốn Nhà nước. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là đại diện vốn Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Nhà nước từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người đại diện vốn Nhà nước và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

1. Ông Trần Phát Minh : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn : Thành viên HĐQT
3. Ông Đào Xuân Đức : Thành viên HĐQT
4. Ông Trương Tiến Dũng : Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
5. Ông Tạ Bá Thuyết : Thành viên HĐQT

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh : Chủ tịch HĐQT
2. Ông Đào Xuân Đức : Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Tiến Dũng : Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Phùng Công Trí Dũng : Thành viên HĐQT

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH₃. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bào quản rau quả.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên hội đồng quản trị,

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

o Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

o Hội đồng Quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

o Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

a. Xuất khẩu:

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30-40% công suất Nhà máy.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyên dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.



- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc và các nước Asean*), nổi lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở

rộng thị trường Xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm, nông sản.

b. Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Metro/ Big C/ Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ... , bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, ... đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống.

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; thủy hải sản tươi sống; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.

-Phấn đấu đến 2016, chỉ tiêu doanh thu nội địa đạt tỷ lệ trên 40% trong cơ cấu doanh thu chung của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh thủy hải sản. Chỉ tiêu lợi nhuận sẽ đạt 50% trong cơ cấu lợi nhuận của sản xuất kinh doanh thủy hải sản.

5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...

5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

a. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Xây dựng Xưởng sản xuất chiết rót nước mắm với trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường EU, Châu Á ... tại khu Công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh.

5.2.4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

6. Các rủi ro:

1. Rủi ro về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của

Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

2. Rủi ro về luật pháp:

Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.

Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được thuê theo hình thức đất trả tiền hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Rủi ro đặc thù:

Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.

Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.

Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...

Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi

trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...

Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.

Rủi về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phân vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản công bố thông tin này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.

4. Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (2016)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016		
			Số liệu	Tỷ lệ (%)	
				So cùng kỳ năm 2015	So KH năm 2015
A	1	2	3	4 = 3/1	5 = 3/2
Doanh thu	215.000.000.000	230.000.000.000	238.130.000.000	110,76%	103,53%
<i>Doanh thu (đã trừ doanh thu NB)</i>	<i>193.779.419.991</i>	<i>205.000.000.000</i>	<i>201.070.000.000</i>	<i>103.76%</i>	<i>98,08%</i>
Kim ngạch XK	5.000.000	5.000.000	8.899.445	177,98 %	177,98%
<i>Tr/đó: XK trực tiếp</i>	<i>3.680.311</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.418.392</i>	<i>92,88 %</i>	<i>85,46%</i>
Lợi nhuận	6.011.550.482	6.000.000.000	6.008.000.000	99,95%	100,13%
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.530.000	4.870.000	5.387.000	118,92	110,62%

(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Sacombank và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).

TÌNH HÌNH CHUNG

Theo đánh giá của Chính phủ về tình hình kinh tế xã hội năm 2016, bên cạnh những thuận lợi, thì cũng có nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp hơn so với dự báo. Tình hình Biển Đông phức tạp, biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự báo như thiên tai, rét đậm, rét hại ở phía Bắc, hạn hán kéo dài ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, xâm nhập mặn chưa từng có ở đồng bằng sông Cửu Long, bão lũ và sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế - xã hội nước ta, nhất là sản xuất và đời sống của người dân.

Tăng trưởng GDP đạt thấp so với cùng kỳ (5,93% so với 6,5%). Khu vực nông nghiệp chỉ tăng 0,65% (cùng kỳ 2,08%). Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,4% (cùng kỳ 9,9%); trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 4,1% (cùng kỳ tăng 8,6%). Dự báo tăng trưởng GDP cả năm thấp hơn kế hoạch đề ra (6,7%). Sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn, có khoảng 45 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và trên 8,3 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể. Tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác, trong đó tỷ lệ bội chi NSNN, nợ công, nợ Chính phủ so với GDP có thể cao hơn dự kiến.

Xuất khẩu dự báo cả năm xấp xỉ đạt kế hoạch; trong đó xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng thấp, chỉ đạt 8,5% (cùng kỳ 18,6%); xuất khẩu vào khu vực ASEAN giảm 9,1%; Quản lý thị trường trong nước và thương mại biên giới có mặt còn bất cập; Buôn lậu, gian lận thương mại diễn biến phức tạp.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, hạn chế nhưng tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt kết quả khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển; tái cơ cấu nền kinh tế đạt một số kết quả; đầu tư khu vực tư nhân chuyển biến mạnh mẽ; niềm tin của xã hội và thị trường tăng lên. Các trung tâm kinh tế lớn tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng, làm động lực phát triển của các vùng và cả nước; Văn hóa, xã hội có tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh có tiến bộ. Phòng chống tham nhũng, lãng phí được chỉ đạo quyết liệt. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững thế chủ động chiến lược và chủ quyền quốc gia. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều kết quả.

Nhìn chung, trong điều kiện ảnh hưởng từ tình hình kinh tế của thế giới cũng như tình hình trong nước, Ban Điều hành cùng tập thể Người Lao động trong Công ty đã cố gắng khắc phục những khó khăn để thực hiện kế hoạch mà HĐQT đã giao từ đầu năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Công ty có những khó khăn và thuận lợi.

1. Khó khăn:

Ngoài những khó khăn chung của cả nước, Công ty có những khó khăn như:

- Việc có nhiều khó khăn ngoài dự báo về thời tiết như hạn hán, xâm thực mặn ở các tỉnh miền Tây nam bộ; Miền Trung thì cá chết do ô nhiễm bởi Fosmosa Hà Tĩnh gây ra, thông tin các loại hải sản tàng đáy trong vòng 13,5 hải lý khu vực biển miền Trung chưa an toàn để sử dụng làm thực phẩm, bão lũ kéo dài,... làm cho nguồn nguyên liệu thủy sản bị thiếu hụt trong thời gian dài (*nguyên liệu giảm so với cùng kỳ năm 2015 là 40%*), giá nguyên liệu tăng cao. Làm ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Do công nợ và những vấn đề tồn đọng cũ đến nay vẫn chưa được giải quyết nên lỗ lũy kế vẫn kéo dài. Đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những khó khăn của Công ty trong nhiều năm qua. Khó khăn nhất là không những không vay được vốn ngân hàng mà liên tục bị ngân hàng (*chủ nợ*) gây áp lực để thu hồi nợ.

- Trong điều kiện Công ty vừa phải ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo công việc làm, thu nhập ổn định cho gần 500 người lao động, vừa phải tập trung giải quyết những tồn tại cũ thì việc bị truy thu tiền thuê đất từ những năm trước tại các mặt bằng của Công ty, việc tăng lương tối thiểu vùng và đóng BHXH theo quy định mới làm tăng chi phí, là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty trong năm 2016.

- *Về xuất khẩu:* Thiếu nguồn nguyên liệu cá biển trầm trọng (*trong đó có một số mặt hàng như cá nục, cá ngừ ở,...*), một số mặt hàng cá nuôi kiểm kháng sinh không đạt, hàng nông sản khan hiếm, giá nguyên liệu tăng, khách hàng không có kế hoạch nhập dài

hạn nên khó thực hiện việc dự trữ nguyên liệu, các nước nhập khẩu ngày càng tăng cường kiểm tra về chất lượng sản phẩm,... Khách hàng Mooijer – Hà Lan là một trong những khách hàng chủ lực của Công ty đã giảm 25% kim ngạch xuất khẩu do tình hình kinh tế thế giới vẫn còn khó.

- *Về thị trường nội địa:* Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm hàng GTGT trên thị trường đã bảo hòa cần thiết phải bổ sung thêm sản phẩm mới; Tình hình tiêu thụ hàng hóa nội địa vẫn còn nhiều khó khăn, sức mua của người tiêu dùng thấp và sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành nghề. Việc cạnh tranh không lành mạnh cũng là một áp lực đối với điều kiện của Công ty như hiện nay. Việc thông tin sai lệch về nước mắm truyền thống bị nhiễm chất asen đã ảnh hưởng xấu đến uy tín của ngành nước mắm. Trong đó, có Công ty APT. Mặc dù, các cơ quan chức năng đã can thiệp kịp thời nhưng cũng cho làm doanh thu nước mắm truyền thống giảm mạnh trong thời gian dài.

- *Về sản xuất:* Một số khách hàng lớn của Công ty như Biển sáng, Vinh An, Nguyễn Chi,... không mua được nguyên liệu để đưa vào sản xuất; Sản lượng hàng nông sản như sầu riêng, mít, khoai môn,...cũng giảm so với cùng kỳ do thương lái Trung Quốc tranh mua và đẩy giá nguyên liệu lên cao nên một số khách hàng nông sản đã giảm sản lượng do không cạnh tranh lại,... Khi có nhiều nguyên liệu thì thiếu công nhân, phải thuê lao động khoán. Bên cạnh đó, việc chuẩn bị để tiếp đoàn kiểm tra Code định kỳ kéo dài cũng làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, gia công hàng hóa của Công ty cũng như khách hàng.

- *Về kinh doanh kho bãi:* Thu gọn hoạt động kinh doanh kho bãi (*mặt bằng Kho Tỉnh Nghĩa chuyển về TCT quản lý kể từ 01/7/2016*) nên doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh kho bãi bị giảm so với kế hoạch.

- *Về nuôi trồng:* Điều kiện môi trường ngày càng ô nhiễm, rất khó khăn trong việc kiểm soát nguồn nước. Mặc dù trong quá trình nuôi, Công ty kiểm soát rất chặt chẽ quy trình, không sử dụng kháng sinh nhưng kết quả vẫn bị nhiễm,...

- *Về trang thiết bị, máy móc:* Ngoài việc thiếu nguyên liệu, thiếu lao động thì việc trang thiết bị, máy móc có thời gian sử dụng trên 10 năm nên thường xảy ra hư hỏng, hoạt động không đảm bảo công suất, chi phí sửa chữa tăng khá cao so với năm 2015 cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất cũng như lợi nhuận của các Xưởng.

- *Về công tác tổ chức, nhân sự:* Việc tuyển dụng lao động có tay nghề còn khó khăn mặc dù Công ty đã thực hiện nhiều hình thức tuyển, nhưng do đặc thù của ngành đòi hỏi ở người lao động nữ, cần mẫn, khéo léo, đến nay việc tuyển dụng để làm được trong ngành đối với nguồn nhân lực này vẫn còn hạn chế. Người lao động cũ có tay nghề đến tuổi nghỉ hưu cũng nhiều. Bên cạnh đó, số lao động tuyển mới thì không gắn bó nên biến động liên tục. Đây cũng là một trong những khó khăn về nguồn lao động trực tiếp của Công ty.

2. Thuận lợi:

Mặc dù có những khó khăn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2016. Tuy nhiên, về cơ bản Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Hội đồng cổ đông giao. Với những thuận lợi sau:

- Công ty luôn nhận được sự đồng thuận từ Cổ đông; HĐQT quan tâm, chỉ đạo sâu sát, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty trong suốt quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Ban Điều hành, các Đoàn thể và Người lao động luôn thống nhất, đoàn kết vượt qua những khó khăn nhằm duy trì sản xuất, ổn định thu nhập và đời sống cho người lao động. Người Lao động luôn được Ban Điều hành, các đoàn thể Công ty quan tâm, chăm lo đời sống và tinh thần.

- Ngay từ đầu năm 2016, được sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT và sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc trong việc giao chỉ tiêu kế hoạch cho từng Bộ phận quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Qua đó, từng bộ phận trực thuộc thấy được trách nhiệm của mình để cố gắng thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

- Đội ngũ lao động từng bước đi vào ổn định và có tính kỷ luật, cải tiến cách làm việc, nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cá nhân. Nhìn chung, tình hình nhân sự quản lý, công nhân lao động trực tiếp đáp ứng yêu cầu công việc ngày một tốt hơn, góp phần ổn định sản xuất.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 04 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Trương Tiến Dũng
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Tri Hiếu
Phó Tổng Giám đốc



Ông Đào Quốc Hải
Phó Tổng Giám đốc



Ông Mai Minh Vương
Phó Tổng Giám đốc

2.1. Ông Trương Tiến Dũng: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1975;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam ;
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn nhà nước*): 1.760.198 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 20% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.
- * Quá trình công tác:
 - Từ tháng 06/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco);
 - Từ tháng 08/2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;

- Từ tháng 05/2001: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;
- Từ tháng 10/2003: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco, Bí thư Đoàn Công ty Imexco;
- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận;
- Từ tháng 08/2005: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;
- Từ tháng 09/2005: Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;
- Từ tháng 10/2005 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA)
- Từ tháng 10/2007 Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM.
- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ SATRA.

2.2. Ông Đào Quốc Hải: Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 10/12/1954;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam;
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 1.700 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00019% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, Cử nhân Kế toán Tài chính Doanh nghiệp.

* Quá trình công tác:

- Từ ngày 01/1996: Nhận công tác tại Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 10/05/1996: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi trực thuộc Công ty APT;
- Từ ngày 02/07/1997: Phó Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 09/08/1997: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 03/03/1998: Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 26/10/2004: Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;
- Từ ngày 02/01/2007 đến 27/05/2016 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.



2.3 Ông Nguyễn Tri Hiếu.

- Sinh ngày 23/11/1959;
- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn Nhà nước theo ủy quyền Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH Một thành viên*): 528.000 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 6% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân kế hoạch, Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh.

* Quá trình công tác:

1977-1981: Bộ đội Quân khu 7 - Chức vụ Trung đội phó, Bí thư Liên Chi đoàn.

1981-1982: Học Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn

1982-1986: Học Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Bí thư Chi đoàn, Ủy viên thường vụ Đoàn khoa Kế hoạch.

1986-1988: Cán bộ Phòng Kế hoạch Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn- Imexco

1988-1989: Trưởng tuyến phụ trách các trạm thu mua và chế biến Tuy Phong - Thuận Hải thuộc Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1989-1992: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn kiêm Phó Giám đốc Công ty liên doanh Thủy sản Chí Công (liên doanh giữa Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn với Công ty Thủy sản Tuy Phong - Thuận Hải và Liên hiệp công ty XNK Thủy sản Thuận Hải.

1992-1994: Thành viên Ban thanh lý Công ty Thực phẩm Đông lạnh Sài Gòn.

1994-1997: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Xí nghiệp Đông lạnh I thuộc Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

1997-2004: Phó phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2004-2014: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2014- Nay. Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn.

2.4. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám Đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến;

- Từ tháng 01/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 08/2006: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2009: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

2.4. Bà Đoàn Thị Thu Hà: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 03/07/1977;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: Nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 3.900 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,04431% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế khoa Kế toán Kiểm toán

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2001: Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới, trực thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản.

- Từ tháng 11/2005: Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới.
- Từ tháng 01/2007: Tổ trưởng kế toán Phòng Kế toán Công ty APT
- Từ tháng 9/2009: Kế toán tổng hợp
- Từ tháng 9/2010: Phó phòng Kế toán Tài chính
- Từ tháng 1/2016 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Kế toán Tài chính Công ty.
- Những thay đổi trong Ban điều hành: Từ ngày 27/05/2016 Ông Đào Quốc Hải thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và nghỉ việc theo nguyện vọng cá nhân.
- Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm 31/12/2016 là 370 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:	370	
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	196	52,97
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	165	44,97
3	Lao động thời vụ	9	2,44
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	182	49,18
2	Lao động nữ	188	50,82
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	51	13,78
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	52	14,05
3	CNKT và trình độ khác	267	72,17

Nguồn: P.TCHC APT

❖ Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động

a. Chính sách đào tạo:

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

b. Chính sách tiền lương, thưởng:

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng: được trả lương theo hệ số do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ...: theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

c. Chính sách trợ cấp:

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm/
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	148.097.741.668	152.482.992.710	2,96%
Doanh thu thuần	193.779.419.991	200.758.906.662	3,60%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-109.582.348.215	-67.067.347.458	
Lợi nhuận khác	-230.316.902	-292.763.603	
Lợi nhuận trước thuế	-109.812.665.117	-67.360.111.061	
Lợi nhuận sau thuế	-109.812.665.117	-67.360.111.061	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,18	0,16	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,14	0,12	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	3,73	4,09	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-1,37	-1,32	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.	6,73	7,95	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,38	1,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.57	-0.34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.27	0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.74	-0.44	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.56	-0.33	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó có 505.600 cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông..

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2016

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30	-	-	2.640.198	30

Ông Trần Phát Minh	3.207.602	36,45	-	-	3.207.602	36,45
Cổ đông nội bộ (155 người)	430.800	4,9			430.800	4,9
Cổ đông bên ngoài (278 người)	2.521.400	28,65	-	-	2.521.400	28,65
Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100,00

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

5.200.000 KWh

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

75.000 m³

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nước cấp KCN Tân Tạo: 27.000 m³

Nước giếng 48.000m³

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Những mặt làm được:

• Công tác điều hành:

Mặc dù có những khó khăn thách thức nhưng Ban Điều hành Công ty đã tận dụng những ưu điểm, những thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn để thực hiện công tác điều

hành Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2016:

- Định hướng đúng đắn để chuyển đổi cơ cấu sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm phát triển thị trường và thương hiệu APT.

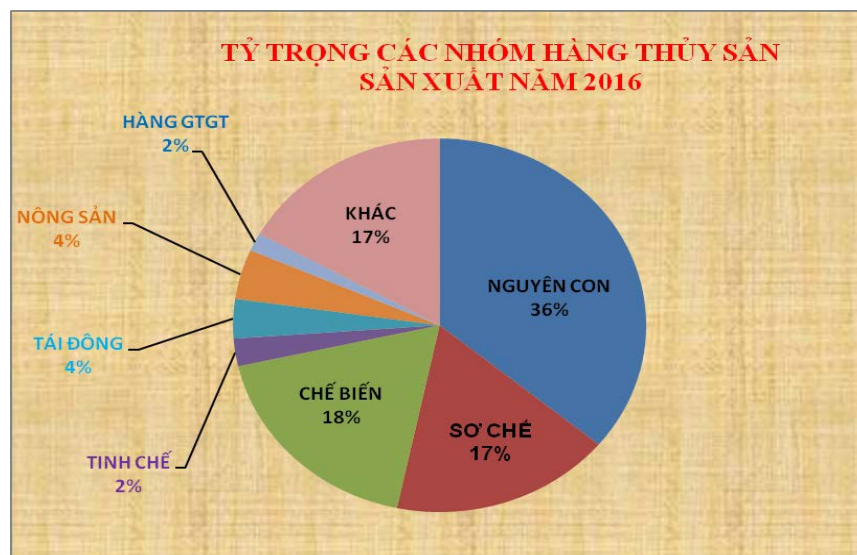
- 06 tháng cuối năm Công ty thu gọn khai thác kho bãi (*mặt bằng Kho Tỉnh Nghĩa*). Theo đó, doanh thu giảm 2,5 tỷ đồng, lợi nhuận giảm gần 200 triệu đồng. Nhưng với trách nhiệm và quyết tâm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu đã được giao trong năm, Ban điều hành Công ty đã cố gắng tìm giải pháp để bù đắp vào các chỉ tiêu bị giảm trên; Kiểm soát chặt chẽ công nợ, không để phát sinh công nợ kéo dài.

- Ban Điều hành phối hợp các Đoàn thể quan tâm đến đời sống, tinh thần, tạo môi trường làm việc tốt nhất cho Người lao động. Trong năm thực hiện điều chỉnh tăng chỉnh lương từ 5-8% cho Người lao động toàn Công ty; Luôn tạo mọi điều kiện để các Đoàn thể, Người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được tham gia các hoạt động phong trào của Công ty, tạo sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí trong toàn Công ty; Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội cho người lao động.

- **Công tác sản xuất:**

- Tình hình nguyên liệu đầu vào 06 tháng đầu năm rất ít do ảnh hưởng bởi thời tiết,... như đã nói trên nên doanh thu, sản lượng 06 tháng đầu năm chỉ đạt 35%/KH. Tuy nhiên, Bộ phận Sản xuất đã cố gắng tìm kiếm thêm khách hàng mới, tận dụng cơ hội nguyên liệu vào mùa vụ trong 06 tháng cuối năm để tăng sản lượng sản xuất. Kết quả sản xuất năm 2016 đạt khoảng 85%/KH.

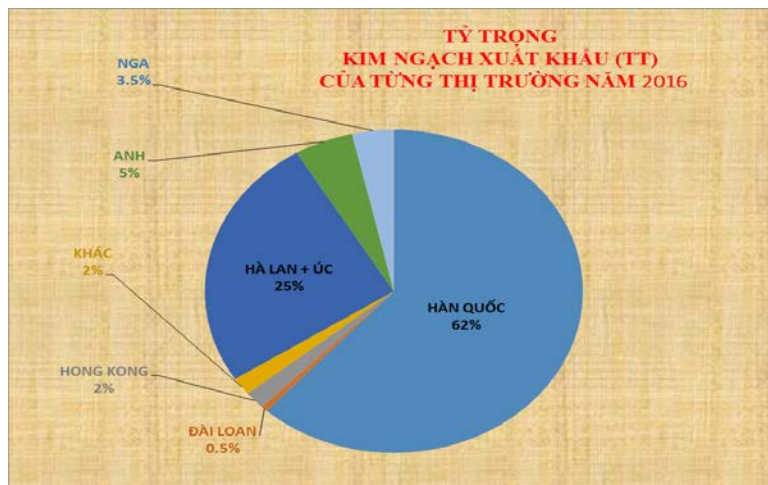
- Kết quả trên tuy chưa đạt kế hoạch được giao, nhưng cũng cho thấy đây là một nỗ lực lớn của Bộ phận sản xuất, mặc dù có khó khăn nhưng đã cố gắng để thực hiện nhiệm vụ, ổn định sản xuất, tạo được công ăn việc làm ổn định cho người lao động trong Công ty.



- **Công tác xuất khẩu:**

Duy trì các khách hàng truyền thống, tăng cường tìm kiếm thị trường, khách hàng mới, tận dụng thế mạnh về mặt hàng cá nước ngọt như cá điêu hồng, cá trê,... để tăng sản lượng đối với những mặt hàng này. Sau những nỗ lực làm việc với khách hàng để xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Nga, đã xuất thử nghiệm; khảo sát thị trường Kazakhstan. Đây là tiền đề cho thị trường xuất khẩu năm 2017.

Kết quả thực hiện kim ngạch xuất khẩu đạt 178%/KH. So với cùng kỳ năm 2015 đạt 144%. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trực tiếp đạt 85,46%.



- **Công tác nuôi trồng:**

- Mặc dù trong điều kiện khí hậu không thuận lợi nhưng bộ phận Nuôi trồng vẫn duy trì định mức nuôi theo đúng kế hoạch đề ra, góp phần tích cực nguồn nguyên liệu đầu vào cho công tác xuất khẩu được chủ động hơn cũng như cung cấp sản phẩm tươi sống cho thị trường nội địa. Sản lượng đạt 172%/KH.

- Với chứng nhận Đơn vị nuôi đạt tiêu chuẩn “**chuỗi sản phẩm an toàn**”. Đây là điều kiện thuận lợi để kinh doanh mặt hàng thủy hải sản tươi sống trên thị trường nội địa. Năm 2016, “**đạt chứng nhận VietGap**” tiếp tục là điều kiện thuận lợi để mở rộng thị trường và phát triển thương hiệu APT đối với ngành hàng thủy hải sản tươi sống, nhất là đối với mặt hàng cá điêu hồng.

- **Công tác kinh doanh nội địa:**

- Đã đưa “**chuỗi thực phẩm an toàn**” hàng tươi sống vào thị trường hệ thống Coopmart.

Thị trường nội địa đang gặp khó khăn do các tập đoàn lớn nước ngoài chiếm thị phần. Theo đó, thì sức cạnh tranh trong thị trường nội địa giữa các ngành hàng chế biến ngày càng quyết liệt, thị phần của các doanh nghiệp kinh doanh trong nước ngày càng thu hẹp. Hàng hóa vào các kênh kinh doanh hiện đại luôn gặp áp lực về chiết khấu, cạnh tranh về giá,...nên rất khó để tăng giá bán, trong khi nguyên liệu đầu vào, chi phí sản

xuất, nhân công,... đều tăng từ 5% - 10% đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Mặt khác, tình hình sức mua vẫn ở mức thấp, mức chiết khấu cao. Tuy nhiên, tình hình doanh thu nội địa năm 2016 vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đạt 149%/KH, 154%/cùng kỳ 2015. Đạt được kết quả trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo thực hiện với những giải pháp phù hợp:



- Tận dụng thế mạnh về ngành hàng thủy hải sản và chứng nhận “chuỗi sản phẩm an toàn”, đã gắn được logo cá sạch APT trong quầy hàng thủy hải sản tươi của hệ thống Coop, doanh thu tốt, mở được thêm một số mã hàng vào hệ thống Coop; Đưa sản phẩm mới chả cá “Ồ - Ba - Má” vào hệ thống Satrafood và Coop mart.



- Quyết tâm đàm phán và đã thành công trong việc giảm tỷ lệ chiết khấu cung cấp hàng hóa cho hệ thống Big C từ 22,5% xuống còn 15% (từ 01/7/2016).

- Thực hiện các chương trình khuyến mãi, Sampling cho các hệ thống siêu thị trong thành phố và các tỉnh miền tây Nam bộ, nhằm quảng cáo thương hiệu APT đã đến trực tiếp người tiêu dùng.

- Chất lượng sản phẩm hàng hóa, mẫu mã bao bì các sản phẩm được củng cố, ổn định đã thu hút được nhiều người tiêu dùng biết về sản phẩm APT. Qua đó, sản phẩm Công ty được Người tiêu dùng bình chọn Doanh nghiệp ***“Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017”***.



- Tham gia nhiều Chương trình phát triển thị trường nhằm quảng bá thương hiệu APT, đặc biệt đến nay hàng hóa của Công ty đã có mặt trên khắp các hệ thống của TCT – Satramart.

- ***Công tác tổ chức:***

Kịp thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty; nâng vai trò trách nhiệm, năng lực của cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu trong mọi thời điểm; Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Xây dựng định biên nhân sự của từng Phòng, Đơn vị. Nhằm chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lâu dài, tạo nguồn cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty triển khai lấy ý kiến và thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bố trí nhân sự trong năm 2016 và giai đoạn năm 2017 – 2022.

- ***Công tác đầu tư – sửa chữa:***

Công tác bảo trì sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời bảo đảm hoạt động ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất; bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn Code châu Âu và ATVSTP.

Dự án xây dựng Xưởng chiết rót nước mắm tại Nhà máy Tân tạo được triển khai thực hiện đúng tiến độ. Dự kiến đầu năm 2017 sẽ hoàn thành phần xây dựng, dự kiến đầu Quý 1/2017, đưa vào sản xuất.



Công tác Đoàn thể - Chăm lo đời sống:

Mặc dù còn rất nhiều khó khăn về mọi mặt, nhưng Ban điều hành Công ty đã luôn luôn động viên tư tưởng cho người lao động an tâm gắn bó và làm việc hết mình vì sự tồn tại của Công ty. Ban điều hành, Đảng ủy, các đoàn thể và tập thể người lao động đã đoàn kết cùng Công ty vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành những chỉ tiêu của kế hoạch 2016 về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân của người lao động. Một số hoạt động trong năm 2016:

- Phối hợp với Công đoàn triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, quy chế hội nghị người lao động, Quy chế đối thoại. Tổ chức thành công Hội nghị người lao động toàn Công ty, trong Hội nghị giải đáp thỏa đáng các ý kiến đóng góp của người lao động. Ngoài ra, còn tổ chức thành công 03 lần đối thoại định kỳ với đại diện người lao động, không có đơn thư, khiếu kiện của người lao động.

- Phát động thi đua trong Doanh nghiệp, huyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong năm 2016 của Công ty, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế chính trị của Tổng Công ty trong năm 2016.

- Hưởng ứng tuần lễ quốc gia về An toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ lần thứ 18: Treo băng rôn, truyền tải các thông tin về an toàn – vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ trên phương tiện loa phát thanh nội bộ với nội dung cụ thể thiết thực, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, các phương tiện phòng chống cháy nổ, xây dựng đầy đủ nội quy, quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp, khám phụ khoa cho lao động nữ, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật hàng tháng. Duy trì chất lượng bữa ăn trưa, hàng tuần có một bữa ăn tươi vào thứ sáu.

- Các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa, tương thân tương ái, trong công nhân viên chức lao động:

+ Tổng chi phí chăm lo Tết cho người lao động 500.000.000 đồng: Chăm lo Tết cho toàn thể người lao động 01 phần quà 600.000đồng/người – 270.000.000đ; chăm lo người lao động còn khó khăn 50 trường hợp trị giá 30.000.000 đồng; Tại buổi tổng kết cuối năm Công đoàn kết hợp với chính quyền tổ chức cho toàn thể người lao động rút thăm trúng thưởng, chương trình văn nghệ trị giá gần 200.000.000 đồng.

+ Tổ chức cho toàn thể người lao động (350 người) tham quan nghỉ mát tại Bình Châu với số tiền trên 500.000.000đồng.

+ Chăm lo cho người lao động nhân dịp Tết dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 - 01/5, 2/9, Ngày Gia đình Việt Nam, Ngày Thành lập Công đoàn Việt Nam, Tết trung thu, chăm lo đột xuất khác với số tiền 800.000.000 đồng (mỗi phần quà bình quân 250.000đ).

+ Chi trợ cấp khó khăn đột xuất cho 06 trường hợp với số tiền 12.000.000 đồng.

+ Duy trì thiệp mừng, quà mừng sinh nhật tổng số tiền 20.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ cho công nhân lao động khó khăn về nhà ở, chống đột vay vốn không lãi suất, trả dần mỗi tháng tổng cộng 8 trường hợp với số tiền trên 82.000.000 đồng.

+ Trợ cấp ma chay (18 suất), thăm bệnh (20 suất) và tặng quà cưới theo thỏa ước lao động tập thể (10 suất) là 35.000.000đồng.

- Ủng hộ quỹ XHTT Tổng Công ty 10.0000.000 đồng; Vận động đóng góp vì Trường Sa thân yêu 20.000.000đồng; đóng góp vì Miền Trung 30.000.000đồng.

- Công tác xã hội từ thiện: Tặng quà cho người nghèo tại các địa phương như Phường 8 Quận 8; xã Thái Mỹ, Phước Hiệp,... Củ Chi; Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân, Quỹ doanh nhân vì cộng đồng, Hội Lương thực Tp.HCM... với các phần quà trị giá trên 200.000.000đồng.

Những mặt hạn chế:

- Lực lượng công nhân lành nghề thiếu nhiều do nghỉ hưu và nghỉ việc, Công ty chưa đào tạo được lực lượng để bổ sung kịp thời. Lao động trực tiếp giảm 25% so với cùng kỳ 2015.

- Thiếu nguồn nguyên liệu nguyên con đầu vào, việc cạnh tranh mua gay gắt nên giá cả tăng trong khi giá xuất khẩu không thay đổi. Bộ phận theo dõi vẫn chưa tìm thêm được nguồn hàng cung ứng khác thay thế kịp thời. Việc chủ động thu mua, tìm kiếm nguồn nguyên liệu “sạch” vẫn chưa đáp ứng theo kịp yêu cầu tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Trên cơ sở những khách hàng cũ, Công ty có khai thác thêm một số khách hàng mới nhưng chưa bền vững và giá trị xuất không cao.

- Tình hình máy móc thiết bị hoạt động được đầu tư đã lâu (trên 10 năm) nên bị xuống cấp phải sửa chữa nhiều hơn, công suất hoạt động vẫn không đạt như hiệu suất ban đầu, chi phí vận hành cao, dẫn đến hiệu quả cuối cùng thấp.

Ngoài những nguyên nhân trên, việc truy thu tiền thuê đất đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả chung của toàn Công ty.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

Công ty đã kiểm soát tốt tình hình công nợ phát sinh, không để công nợ tồn đọng kéo dài. Đơn đốc thu hồi công nợ khó đòi cũ.

Quản lý tốt luân chuyển hàng hóa tồn kho, hạn chế phát sinh hàng tồn kho lâu ngày, kém và mất phẩm chất.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Trong năm 2016 có biến động lớn về khoản nợ phải trả ngắn hạn, tăng 71.598.254.103đ, trong đó khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 20.998.800.000đ, là khoản chênh lệch tỷ giá vàng do đánh giá lại khoản vay bằng vàng SJC theo tỷ giá tại thời điểm 31/12/2016.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- **Công tác tái cấu trúc Công ty:**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty đeo bám thực hiện công tác tái cấu trúc Công ty, cũng như công tác quyết toán giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành xong do phải chờ kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra, bên cạnh đó các cơ quan ban ngành có nhiều thay đổi về nhân sự cũng là một trong những khó khăn ảnh hưởng đến công tác tái cấu trúc Công ty.



Từ đầu nhiệm kỳ II (2012-2016) đến nay Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 88 tỷ đồng lên 388 tỷ đồng để thực hiện việc mua chỉ định 15 mặt bằng theo giá thị trường hiện do Công ty cổ phần kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn quản lý khi cổ phần hóa. Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết với các sở ban ngành. Tuy nhiên do những nguyên nhân khách quan đến nay việc hoàn tất các thủ tục pháp lý để thực hiện việc mua chỉ định vẫn chưa hoàn tất. Do đó Công ty chưa thực hiện được phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị.

Công tác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hội đồng Quản trị luôn theo sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như nắm bắt diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời chỉ đạo Ban Điều hành Công ty vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao cho.

Trong suốt nhiệm kỳ II Hội đồng quản trị đã chủ động, linh hoạt trong việc chỉ đạo Ban Điều hành với kết quả đạt được hầu hết các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh được Đại hội đồng Cổ đông giao cho trong suốt 5 năm (2012-2016).

Hội đồng Quản trị đã ra chủ trương và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt chủ trương đổi mới máy móc thiết bị đã quá cũ sau hàng chục năm sử dụng nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động. Mặc dù Công ty không được vay vốn Ngân hàng để nâng cấp đổi mới trang thiết bị, nhà xưởng nhưng Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành tận dụng tốt nguồn vốn khấu hao tài sản để trang bị các hệ thống cấp đông IQF, sửa chữa nhà xưởng phù hợp với tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Kết quả hàng năm cơ quan NAFIDAQ kiểm tra và xác nhận đủ tiêu chuẩn cấp

code xuất khẩu vào EU. Hội đồng quản trị đã có chủ trương Xây dựng Xưởng nước mắm tại mặt bằng nhà máy Chế biến THS của Công ty trong Khu CN Tân Tạo nhằm di dời xưởng nước mắm tại 157 Hưng Phú Quận 8 do nhà xưởng xuống cấp nặng, mặt bằng bị qui hoạch nên Công ty không xây dựng mới được. Kết quả Ban Điều hành đã thực hiện tốt chủ trương này. Nhà máy đã xây dựng xong vào cuối năm 2016 hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục xin cấp chứng nhận đủ tiêu chuẩn xuất khẩu nhằm mở ra thị trường xuất khẩu cho sản phẩm nước mắm truyền thống của Công ty đã được người tiêu dùng biết đến từ năm 1976.

Thành tựu to lớn nhất Hội đồng quản trị đạt được là cùng với ban Điều hành giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh của Công ty trước tình hình Công ty đứng bên bờ vực phá sản do thua lỗ thời kỳ trước đây và sự mất tinh thần của người lao động sau kết luận Thanh tra năm 2010. Đây sẽ là sự thuận lợi cho Hội Đồng quản trị nhiệm kỳ III để từng bước đưa Công ty APT khắc phục khó khăn tạo ra bước đường phát triển mới cho Công ty sau khi giải quyết xong các tồn tại cũ.

Về công tác khởi kiện thu hồi công nợ, giải quyết nợ vay.

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thúc đẩy các vụ kiện đòi nợ, yêu cầu các đối tượng phải thi hành án đối với các bản án đã có hiệu lực của Tòa án.

- Về công tác khởi kiện: Tiếp tục đeo bám 05 vụ đã khởi kiện trước đây, các vụ việc hầu hết đã có thời gian nộp đơn khởi kiện trên 04 năm. Tuy nhiên, tiến độ giải quyết khá chậm, một phần do phải chờ xác nhận của cơ quan điều tra là không khởi tố hình sự, một phần do nguyên nhân chủ quan của thời kỳ trước đây như thiếu chứng cứ, hồ sơ thiếu chất chẽ, không lưu giữ đầy đủ hoặc do các đối tượng bị kiện trước đây là nhân viên Công ty đã không giao hồ sơ chứng từ về Công ty, hủy bỏ các chứng cứ bất lợi cho mình và chỉ nộp những chứng cứ có lợi cho Tòa án.

- Về Công tác thi hành án: Hiện có 07 hồ sơ đang yêu cầu thi hành án 08 vụ thi hành án trả đơn. Công tác thi hành án ngày càng khó khăn do các đối tượng phải thi hành án không có nơi cư trú ổn định, không còn tài sản hoặc tài sản đã thế chấp đảm bảo vay vốn Ngân hàng nên khi phát mãi Ngân hàng được ưu tiên thu hồi nợ, đối tượng là doanh nghiệp ở nước ngoài thì không có địa chỉ hoặc đã phá sản, giải thể. Trước những khó khăn trên, Công ty đã sử dụng nhiều biện pháp và chi phí để truy tìm tài sản, địa chỉ của đối tượng phải thi hành án để cung cấp cho cơ quan thi hành án nhưng vẫn không có hiệu quả.

Trong suốt nhiệm kỳ II. Hội đồng quản trị luôn đặt mục tiêu thu hồi Công nợ cũ và không để phát sinh công nợ mới là một mục tiêu quan trọng mà Ban Điều hành phải thực hiện. Đây cũng là công tác phải thực hiện sau kết luận Thanh tra của Công ty. Tuy nhiên mặc dù hết sức cố gắng nhưng kết quả thu hồi công nợ sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật rất hạn chế do những nguyên nhân khách quan đã nêu trên. Tuy nhiên Ban Điều hành đã thực tốt việc không để phát sinh các công nợ mới, khó đòi trong nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị.

Công tác giải quyết khoản nợ vay Ngân hàng Sacombank (Ngân hàng Phương Nam trước đây)

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục đề nghị Ngân Hàng Sacombank thực hiện phương án chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ. Tuy nhiên

Ngân hàng Sacombank không chấp nhận. Hiện Công ty đang đề xuất phương án hai bên cùng tìm kiếm nhà đầu tư mua lại khoản nợ vay này.

Nhìn chung trong suốt nhiệm kỳ II Hội đồng quản trị đã tích cực tìm phương án giải quyết 02 khoản nợ vay từ năm 2009 của Công ty với Ngân hàng Phương Nam. Hội đồng quản trị đã đàm phán, đề xuất các giải pháp, xây dựng phương án chuyển nợ thành vốn góp với Ngân hàng Phương Nam. Tuy nhiên do nguyên nhân khách quan Ngân hàng Phương Nam tiến hành sáp nhập với Ngân hàng Sacombank và Ngân hàng Nhà Nước chưa có chủ trương chính thức cho phép việc các Ngân hàng được chuyển nợ vay thành vốn góp điều lệ nên Hội đồng Quản trị vẫn chưa thực hiện được việc giải quyết khoản nợ vay này.

2. Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, đã có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 do Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Trong suốt nhiệm kỳ II của Hội đồng quản trị Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết Hội đồng quản trị, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, chăm lo tốt đời sống người lao động, không để xảy ra các cuộc đình công. Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo các vấn đề đột xuất xảy ra trong Công ty để Hội đồng quản trị nắm bắt và có chỉ đạo kịp thời.



3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

3.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

- Phân đầu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30- 40% công suất nhà máy.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean, Nga... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1- 2 khách hàng mới.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm, hàng nông sản.

3.2. Kinh doanh Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT.

3.3. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng, ...vv

3.4. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng SXKD một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Thực hiện đầu tư xưởng Nước mắm nhằm tăng năng suất, chất lượng.

3.5. Chương trình đầu tư và kinh doanh tại các mặt bằng Công ty xin mua chỉ định:

- Để thực hiện chương trình đầu tư xây dựng các dự án tại các mặt bằng xin mua chỉ định, Công ty sẽ làm đầy đủ các thủ tục để được mua quyền sử dụng đất sau khi phương án tái cấu trúc, phát hành tăng vốn Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt cho phát hành.

3.6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.

- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.

- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1.-Hội đồng quản trị:

1.1-Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:



Sau Đại hội Cổ đông thường niên 2012, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2016) được bầu đến nay theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3.207.602 Cổ phần chiếm tỷ lệ 36,45%.

2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.760.198 Cổ phần (đại diện vốn Nhà nước) chiếm tỷ lệ 20%.

3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy -Thành viên HĐQT

- Thành viên không điều hành.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

1.2-Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ II (2012-2016) được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 bầu ra ngày 17/03/2012 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng quản trị.

2. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã họp thường lệ phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty.

Sau đây là một số quyết định quan trọng đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua bằng Nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chính
01	01/NQ-HĐQT-2016	22/02/2016	Tổ chức Đại Hội Cổ đông Thường niên 2016
02	02/NQ-HĐQT-2016	02/03/2016	Thông qua KH SXKD 2016, báo cáo tài chính được kiểm toán trình đại hội cổ đông thường niên 2016 phê duyệt..vv
03	03/NQ-HĐQT -2016	08/07/2016	Soát xét kế hoạch SXKD, thành lập tổ sửa đổi điều lệ..vv
04	04/NQ-HĐQT-2016	21/12/2016	Chấp thuận chủ trương đầu tư bổ sung MMTB..vv
05	05/NQ-HĐQT-2016	21/12/2016	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc mới Ông Ngô Văn Khương

2. Ban Kiểm soát

2.1-Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

(Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).



1. Bà Đỗ Ngọc Nga - Trưởng Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2. Ông Nguyễn Bảo Sơn - Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 04% (Đại diện

vốn nhà nước).

3. Ông Phan Minh Thắng – Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

2. 2-Hoạt động của Ban kiểm soát:

(Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Trong nhiệm kỳ qua Ban Kiểm soát đã triển khai các hoạt động như sau:

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp;

2. Kiểm tra giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo đã được HĐQT Công ty ban hành về tình hình hoạt động của công ty;

3. Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã tham gia xây dựng chỉnh sửa quy chế quản lý tài chính của Công ty. Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tham gia xây dựng chỉnh sửa Điều lệ hoạt động của Công ty.

4. Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ (tháng, quý, năm);
5. Kiểm tra việc sử dụng vốn, quản lý tài sản của Doanh nghiệp;
6. Kiểm tra việc trang bị, đầu tư mua sắm tài sản và việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;
7. Kiểm tra công tác thu hồi công nợ tồn đọng;
8. Thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm toán đột xuất khi cần.

3-Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Không có

- a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
 - Công ty đã ban hành Quy chế quản trị Công ty.

VI-Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến của kiểm toán.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty đang lỗ lũy kế là 561.269.442.932 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 471.437.620.631 VND và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 524.989.094.078 VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2016 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.889.521.917 VND; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 VND và nợ phải thu khác là 33.976.671.410 VND. Các khoản nợ này đều là các khoản nợ phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 5, số 6 và số 7). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải trả, phải nộp khác một số khoản công nợ phát sinh từ giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa với tổng số dư là 4.682.309.260 VND đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 20). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ sáu ngày 07/09/2012 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/05/2016
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tri Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Trưởng ban
Ông Phan Minh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



Số: 601 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 10 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty đang lỗ lũy kế là 561.269.442.932 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 471.437.620.631 VND và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 524.989.094.078 VND. Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2016 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục dựa trên các cam kết của Ban Tổng Giám đốc như trình bày tại Thuyết minh số 1. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các chủ sở hữu cũng như sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: nợ phải thu khách hàng là 71.889.521.917 VND; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 VND và nợ phải thu khác là 33.976.671.410 VND. Các khoản nợ này đều là các khoản nợ phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 5, số 6 và số 7). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải trả, phải nộp khác một số khoản công nợ phát sinh từ giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa với tổng số dư là 4.682.309.260 VND đang chờ quyết toán chưa được đối chiếu, xác nhận (chi tiết xem tại Thuyết minh số 20). Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC theo giá niêm yết của ngân hàng cho vay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ trừ liên quan đến khả năng hoạt động liên tục, nợ phải thu khó đòi chưa có xác nhận và nợ phải trả ở giai đoạn Công ty nhà nước trước cổ phần hóa đang chờ quyết toán. Các vấn đề này vẫn được Kiểm toán viên tiếp tục nêu Ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán năm nay.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0522-13-002-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2013-002-1

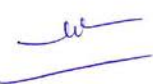
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		97.100.791.263	97.808.646.382
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.272.247.023	19.391.138.826
111	1. Tiền		8.272.247.023	19.391.138.826
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.000.000.000	39.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		41.000.000.000	39.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.582.891.695	18.759.424.936
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	89.066.646.532	86.872.908.152
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.437.145.874	5.896.224.805
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	36.482.643.073	37.393.835.763
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(111.403.543.784)	(111.403.543.784)
140	IV. Hàng tồn kho	9	20.567.006.295	19.776.481.797
141	1. Hàng tồn kho		20.694.873.210	19.933.376.526
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(127.866.915)	(156.894.729)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		678.646.250	381.600.823
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	279.267.368	88.087.996
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		331.935.127	89.412.471
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	67.443.755	204.100.356
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		55.382.201.447	50.289.095.286
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		46.097.500	46.097.500
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	46.097.500	46.097.500
220	II. Tài sản cố định		35.341.143.816	33.375.937.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	35.341.143.816	33.375.937.416
222	- Nguyên giá		100.615.813.994	95.981.268.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(65.274.670.178)	(62.605.331.220)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(365.560.000)	(365.560.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.745.793.506	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	3.745.793.506	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.249.166.625	16.867.060.370
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.249.166.625	16.867.060.370
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		152.482.992.710	148.097.741.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Ma số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		623.920.613.341	552.175.251.238
310	I. Nợ ngắn hạn		622.089.885.341	550.491.631.238
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	7.457.724.566	8.065.944.308
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	3.038.208.148	1.877.274.826
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	526.456.710	711.786.539
314	4. Phải trả người lao động		4.764.271.407	5.623.690.292
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	453.011.086	235.674.191
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	685.912.500	685.912.500
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	289.826.355.880	238.952.203.538
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	315.321.200.000	294.322.400.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	II. Nợ dài hạn		1.830.728.000	1.683.620.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.830.728.000	1.683.620.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(471.437.620.631)	(404.077.509.570)
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(471.437.620.631)	(404.077.509.570)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		88.000.000.000	88.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.831.822.301	1.831.822.301
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(561.269.442.932)	(493.909.331.871)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(493.909.331.871)	(384.096.666.754)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(67.360.111.061)	(109.812.665.117)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		152.482.992.710	148.097.741.668



Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập biểu



Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng




 Trương Hiền Dũng
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	201.067.878.634	196.772.628.778
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	308.971.972	2.993.208.787
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		200.758.906.662	193.779.419.991
11	4. Giá vốn hàng bán	25	160.295.345.812	151.637.382.721
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.463.560.850	42.142.037.270
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	3.083.207.438	3.161.714.721
22	7. Chi phí tài chính	27	72.620.672.349	116.395.081.769
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		51.441.399.600	27.910.241.387
25	8. Chi phí bán hàng	28	24.484.569.799	25.630.757.158
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	13.508.873.598	12.860.261.279
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(67.067.347.458)	(109.582.348.215)
31	11. Thu nhập khác	30	738.814.454	93.354.401
32	12. Chi phí khác	31	1.031.578.057	323.671.303
40	13. Lợi nhuận khác		(292.763.603)	(230.316.902)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(67.360.111.061)	(109.812.665.117)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(67.360.111.061)</u>	<u>(109.812.665.117)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(7.655)	(12.479)



Đoàn Thị Thu Hà
 Người lập biểu



Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



Trương Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		207.131.027.595	199.181.244.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(163.383.722.138)	(135.621.147.070)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.698.733.456)	(39.325.669.789)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.227.737.497	2.246.823.311
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.024.897.562)	(4.534.794.692)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.251.411.936	21.946.455.760
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.880.661.462)	(3.117.207.040)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.086.000.000	464.318.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(53.000.000.000)	(26.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51.500.000.000	7.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.047.794.473	907.347.960
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.246.866.989)	(21.245.540.898)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.995.455.053)	700.914.862
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.391.138.826	18.406.809.733
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(123.436.750)	283.414.231
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	13.272.247.023	19.391.138.826

Người lập biểu
 Đoàn Thị Thu Hà

Đoàn Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng



Trương Tiên Dung
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Vốn thực góp tới thời điểm 31/12/2016 là 88.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh các sản phẩm từ thủy sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Ăn uống. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Dịch vụ ăn uống;
- Cho thuê kho, bãi. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Mua bán thủy hải sản; mua bán thực phẩm; công nghệ phẩm; nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; chế biến nước mắm, nước chấm;
- Mua bán thủy hải sản, thực phẩm, nông sản.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty đang lỗ lũy kế là 561.269.442.932 đồng làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 471.437.620.631 đồng và các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 524.989.094.078 đồng. Các vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự hỗ trợ của chủ sở hữu, sự chấp thuận của ngân hàng trong việc tái cơ cấu vốn vay và kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu của Công ty trong thời gian tới, tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện. Do đó, Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, để đảm bảo tính thận trọng Công ty đã thực hiện đánh giá lại khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn có số dư gốc nợ vay là vàng theo tỷ giá vàng bán ra của bên cho vay niêm yết tại ngày 31/12/2016. Việc đánh giá lại số dư nợ gốc bằng vàng này đã làm cho chi phí tài chính của Công ty trong năm tăng thêm một khoản tương ứng là 20.998.800.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến thủy hải sản
Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến thủy hải sản
Xí nghiệp thu mua cung ứng Nông hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán thủy hải sản

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Mua bán thủy hải sản
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	Chế biến thủy hải sản
Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp. HCM	Chế biến thủy hải sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ. Trường hợp vay, nợ bằng vàng thì thực hiện theo dõi chi tiết theo số lượng vàng.

Các khoản vay bằng vàng của Công ty được đánh giá lại theo tỷ giá vàng niêm yết tại ngân hàng cho vay và tại ngày kết thúc năm tài chính.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí chiết khấu, chi phí vận chuyển, chi phí thuê máy móc.... phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	55.632.000	419.697.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.216.615.023	18.971.441.826
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
	<u>13.272.247.023</u>	<u>19.391.138.826</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 với lãi suất 4,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	41.000.000.000	41.000.000.000	39.500.000.000	39.500.000.000
	41.000.000.000	41.000.000.000	39.500.000.000	39.500.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại các Ngân hàng TMCP Đại Dương, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Bản Việt với lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,2%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Hệ thống siêu thị Metro	503.550.764	497.954.167
- Hệ thống siêu thị Big C	860.960.031	1.020.365.268
- Hệ thống siêu thị Co.opMart	122.555.683	737.614.532
- Công ty TNHH Sản xuất Và Thương mại Phước Thành	1.343.657.300	1.641.914.713
- Công ty TNHH MTV Thương mại Yến Vĩnh Trường	-	1.300.532.000
- MOOIJER VOLENDAM BV CO.,LTD	1.478.326.603	1.366.157.034
- GOEUN CO.,LTD	-	1.171.016.806
- Công ty TNHH TM Thủy sản Nguyễn Chi	1.716.488.070	1.249.394.455
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cần Giờ	21.101.850	1.965.100.000
- Công nợ khó đòi trước khi cổ phần hóa	71.889.521.917	71.889.521.917
- OOO.SIAM (Nga)	2.191.295.241	-
- PUREUNFOOD CO.,LTD	1.249.677.086	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.689.511.987	4.033.337.260
	89.066.646.532	86.872.908.152

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công nợ ứng trước trước cổ phần hóa	5.650.000.000	5.650.000.000	5.650.000.000	5.650.000.000
- Công ty TNHH Điện lạnh Sài Gòn	-	-	170.824.500	-
- Công ty TNHH Sinh Tài	226.500.000	-	-	-
- Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường	160.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Nguyễn Thạnh	1.143.915.085	-	-	-
- Các khoản khác	256.130.789	-	75.400.305	-
	7.437.145.874	5.650.000.000	5.896.224.805	5.650.000.000

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	63.346.871	-
- Tạm ứng	78.000.000	-	1.064.386.451	-
- Công nợ trước khi cổ phần hóa	33.976.671.410	33.864.021.867	33.976.671.410	33.864.021.867
- Lãi dự thu	1.904.597.221	-	1.957.272.907	-
- Phải thu khác	523.374.442	-	332.158.124	-
	36.482.643.073	33.864.021.867	37.393.835.763	33.864.021.867
b) Phải thu dài hạn khác				
- Ký cược, ký quỹ	46.097.500	-	46.097.500	-
	46.097.500	-	46.097.500	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công nợ phải thu khách hàng trước cổ phần hóa	71.889.521.917	-	71.889.521.917	-
+ Công nợ phải thu khác trước cổ phần hóa	33.976.671.410	112.649.543	33.976.671.410	112.649.543
+ Công nợ ứng trước trước cổ phần hóa	5.650.000.000	-	5.650.000.000	-
	111.516.193.327	112.649.543	111.516.193.327	112.649.543

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.432.952.290	(127.866.915)	4.282.906.451	(156.894.729)
Công cụ, dụng cụ	4.856.364	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.481.729.348	-	3.085.865.962	-
Thành phẩm	13.623.508.902	-	11.878.376.173	-
Hàng hoá	151.826.306	-	15.621.410	-
Hàng gửi đi bán	-	-	670.606.530	-
	20.694.873.210	(127.866.915)	19.933.376.526	(156.894.729)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cung cấp lắp đặt máy nén trục vít	483.489.160	-
Dự án Xưởng chiết rót nước mắm	3.262.304.346	-
	3.745.793.506	-

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.545.764.441	43.521.681.367	8.021.724.463	342.925.720	3.549.172.645	95.981.268.636
- Mua trong năm	-	5.551.025.194	819.845.454	-	-	6.370.870.648
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	620.082.273	-	-	-	-	620.082.273
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.522.782.836)	(744.722.727)	(88.902.000)	-	(2.356.407.563)
Số dư cuối năm	41.165.846.714	47.549.923.725	8.096.847.190	254.023.720	3.549.172.645	100.615.813.994
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	16.801.964.895	36.376.651.127	6.153.999.603	269.186.397	3.003.529.198	62.605.331.220
- Khấu hao trong năm	1.967.335.724	2.119.540.722	438.896.983	11.520.594	118.143.447	4.655.437.470
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.505.082.931)	(453.039.679)	(27.975.902)	-	(1.986.098.512)
Số dư cuối năm	18.769.300.619	36.991.108.918	6.139.856.907	252.731.089	3.121.672.645	65.274.670.178
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	23.743.799.546	7.145.030.240	1.867.724.860	73.739.323	545.643.447	33.375.937.416
Tại ngày cuối năm	22.396.546.095	10.558.814.807	1.956.990.283	1.292.631	427.500.000	35.341.143.816

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 35.341.143.816 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.496.703.760 đồng

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế là 365.560.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về sửa chữa tài sản	69.509.738	17.088.318
Công cụ dụng cụ xuất dùng	209.757.630	70.999.678
	279.267.368	88.087.996
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	10.938.855.310	11.303.464.560
Chi phí thuê đất tại Chợ Bình Điền chờ phân bổ	3.608.252.503	3.709.848.463
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	97.945.523
Chi phí cải tạo, sửa chữa ao nuôi cá và bè cá	25.258.292	75.775.004
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.676.800.520	1.680.026.820
	16.249.166.625	16.867.060.370

14 . VAY NGẮN HẠN
a) Vay ngắn hạn

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị		Tăng		Giá trị	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Giảm	VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (1)	294.322.400.000	294.322.400.000	20.998.800.000	-	315.321.200.000	315.321.200.000
	294.322.400.000	294.322.400.000	20.998.800.000	-	315.321.200.000	315.321.200.000

(1) Số dư tại ngày 31/12/2016 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- + Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103 tỷ đồng.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC tương ứng với số tiền 191.322.400.000 đồng (quy đổi theo tỷ giá vàng tại ngày 31/12/2015);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- + Lãi suất cho vay: 10,8%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- + Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC tương đương 212.321.200.000 đồng.

b) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	315.321.200.000	246.589.918.001	294.322.400.000	195.148.518.401
	315.321.200.000	246.589.918.001	294.322.400.000	195.148.518.401

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thực phẩm Chen Quốc Tế	-	-	1.389.692.154	1.389.692.154
- Công ty TNHH MTV Thương mại Vương Duy Minh	-	-	1.416.260.000	1.416.260.000
- Nguyễn Hữu Thanh	-	-	546.010.000	546.010.000
- Nguyễn Ngọc Danh	-	-	1.013.040.000	1.013.040.000
- Ngô Thị Thanh Thúy	18.744.860	18.744.860	1.335.657.780	1.335.657.780
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Thực phẩm Sài Gòn	2.225.076.000	2.225.076.000	-	-
- Hồ Văn Nhanh	1.228.101.700	1.228.101.700	-	-
- Nguyễn Nhớ	860.885.900	860.885.900	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3.124.916.106	3.124.916.106	2.365.284.374	2.365.284.374
	7.457.724.566	7.457.724.566	8.065.944.308	8.065.944.308

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- CHEN FOODS (SORELLE GROUP PTY.,LTD)	1.433.865.293	1.220.915.392
- Công nợ trước khi cổ phần hóa	389.925.937	389.925.937
- Liên Hiệp HXT Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	397.755.310	-
- Các khoản khác	816.661.608	266.433.497
	3.038.208.148	1.877.274.826

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tao, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	155.608.528	-	804.193.266	662.536.665	13.951.927	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	-	-	-	10.656.154	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	-	-	-	37.835.674	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	101.928.363	465.571.635	431.390.916	-	136.109.082
Thuế Tài nguyên	-	800.000	11.444.400	12.244.400	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	609.058.176	2.357.580.661	2.576.291.209	-	390.347.628
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	12.000.000	5.000.000	-
	204.100.356	711.786.539	3.645.789.962	3.694.463.190	67.443.755	526.456.710

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí chiết khấu trích trước	387.526.516	174.777.549
- Chi phí vận chuyển trích trước	43.148.000	44.896.642
- Trích trước chi phí thuê máy móc	16.000.000	16.000.000
- Chi phí phải trả khác	6.336.570	-
	453.011.086	235.674.191

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là doanh thu cho thuê mặt bằng tại đường Trần Hưng Đạo, Quận 5, Hồ Chí Minh của Công ty với số dư là 685.912.500 đồng. Khoản doanh thu này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt kinh doanh trong năm 2017 theo thời gian của hợp đồng mà khách hàng đã trả tiền trước.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.799.354.131	24.799.354.131
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay VND	84.164.200.001	71.598.200.001
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay vàng	162.425.718.000	123.550.318.400
- Phải trả về kinh phí ngành	600.778.835	600.778.835
- Phải trả về tài sản bán giao của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	3.396.720.854	3.396.720.854
- Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50	240.931.000	240.931.000
- Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT	208.594.004	208.594.004
- Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi	81.697.182	81.697.182
- Kinh phí di dời	68.034.000	68.034.000
- Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn	74.931.310	74.931.310
- Phải trả của Cửa hàng Cầu Ông Lãnh	10.622.075	10.622.075
- Phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	878.548.032
- Công ty CP Hỗ trợ Dịch vụ Thanh toán Việt Phú	112.248.000	79.999.000
- Công ty TNHH Ngọc Nam Vi	-	40.000.000
- Quỹ công đoàn công ty	205.282.703	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	113.769.071	-
	289.826.355.880	238.952.203.538
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.830.728.000	1.683.620.000
	1.830.728.000	1.683.620.000

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán			
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam lãi tiền vay VND (*)	84.164.200.001	71.598.200.001	
- Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam lãi tiền vay vàng (*)	162.425.718.000	123.550.318.400	
- Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.055.861.900	2.055.861.900	
- Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.799.354.131	24.799.354.131	
- Các khoản phải trả khác trước cổ phần hóa	4.682.309.260	4.682.309.260	
<i>Phải trả về kinh phí ngành (**)</i>	<i>600.778.835</i>	<i>600.778.835</i>	
<i>Phải trả về tài sản bàn giao của TCT Thương mại Sài Gòn (**)</i>	<i>3.396.720.854</i>	<i>3.396.720.854</i>	
<i>Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 (**)</i>	<i>240.931.000</i>	<i>240.931.000</i>	
<i>Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT (**)</i>	<i>208.594.004</i>	<i>208.594.004</i>	
<i>Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi (**)</i>	<i>81.697.182</i>	<i>81.697.182</i>	
<i>Kinh phí di dời (**)</i>	<i>68.034.000</i>	<i>68.034.000</i>	
<i>Phải trả Công ty Thực phẩm Đông lạnh Xuất khẩu Sài Gòn (**)</i>	<i>74.931.310</i>	<i>74.931.310</i>	
<i>Phải trả của Cửa hàng Cầu Ông Lãnh (**)</i>	<i>10.622.075</i>	<i>10.622.075</i>	
	289.395.056.106	237.953.656.506	

Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn:

- (*) Khoản lãi vay liên quan tới khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Nam không có khả năng thanh toán
 (**) Các khoản công nợ phải trả phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước khi cổ phần đang chờ quyết toán.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.831.822.301	(384.096.666.754)	(294.264.844.453)
Lỗ trong năm trước	-	-	(109.812.665.117)	(109.812.665.117)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(493.909.331.871)	(404.077.509.570)
Lỗ trong năm nay	-	-	(67.360.111.061)	(67.360.111.061)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	1.831.822.301	(561.269.442.932)	(471.437.620.631)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	30,00	26.401.980.000	30,00	26.401.980.000
- Ông Trần Phát Minh	36,45	32.076.020.000	36,45	32.076.020.000
- Ông Tạ Bá Thuyết	5,68	5.000.000.000	5,68	5.000.000.000
- Các cổ đông khác	27,87	24.522.000.000	27,87	24.522.000.000
	100	88.000.000.000	100	88.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000

d) Cổ phiếu	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND)		
e) Các quỹ của công ty	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.831.822.301	1.831.822.301
	1.831.822.301	1.831.822.301
22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a) Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	307.356,78	678.492,96
b) Nợ khó đòi đã xử lý	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công nợ phải thu ông Trần Văn Tạo	383.646.000	383.646.000
	383.646.000	383.646.000
23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	35.597.648.527	31.427.745.336
Doanh thu bán thành phẩm	109.839.798.365	104.189.066.285
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.630.431.742	61.155.817.157
	201.067.878.634	196.772.628.778
24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	266.574.402	328.600.992
Hàng bán bị trả lại	42.397.570	34.512.664
Giảm giá hàng bán	-	2.630.095.131
	308.971.972	2.993.208.787

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.844.052.551	25.926.010.122
Giá vốn của thành phẩm đã bán	90.475.919.576	88.610.746.039
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.004.401.499	37.700.940.520
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(29.027.814)	(600.313.960)
	160.295.345.812	151.637.382.721

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.995.118.787	2.786.593.774
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	64.446.985	101.957.867
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	23.641.666	273.163.080
	3.083.207.438	3.161.714.721

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.441.399.600	27.910.241.387
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.757.126	171.961.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	123.436.750	-
Khoản lỗ do đánh giá lại gốc vay vàng theo giá vàng cuối năm	20.998.800.000	88.311.620.000
Chi phí tài chính khác	278.873	1.258.684
	72.620.672.349	116.395.081.769

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.448.673.755	3.729.330.347
Chi phí nhân công	4.904.523.795	4.956.275.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	919.739.062	1.373.732.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.250.236.992	6.948.471.886
Chi phí khác bằng tiền	8.961.396.195	8.622.946.337
	24.484.569.799	25.630.757.158

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.913.183.449	6.532.978.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.111.412	1.019.188.955
Thuế, phí, lệ phí	18.444.400	15.828.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(48.920.004)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.641.076	-
Chi phí khác bằng tiền	4.171.493.261	5.341.185.614
	13.508.873.598	12.860.261.279

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	617.963.677	-
Thu nhập từ xử lý hàng thừa khi kiểm kê	-	28.656.185
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ không phải trả	70.715.001	13.566.269
Thu nhập từ thanh lý Công cụ dụng cụ và phế liệu	44.727.272	46.454.545
Thu nhập khác	5.408.504	4.677.402
	738.814.454	93.354.401

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	320.967.595
Truy thu tiền thuê đất	927.995.777	-
Các khoản tiền bị phạt, chậm nộp thuế, BHXH	13.669.543	126.985
Xử lý công nợ	89.912.737	893.861
Chi phí khác	-	1.682.862
	1.031.578.057	323.671.303

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(67.360.111.061)	(109.812.665.117)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(67.360.111.061)	(109.812.665.117)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.655)	(12.479)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86.645.507.757	88.787.397.620
Chi phí nhân công	38.280.410.244	41.723.980.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.655.437.470	5.907.802.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.827.812.038	9.516.368.525
Chi phí khác bằng tiền	28.251.833.078	13.964.131.951
	165.661.000.587	159.899.680.788

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.272.247.023	-	19.391.138.826	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.595.387.105	(105.753.543.784)	124.312.841.415	(105.753.543.784)
Đầu tư ngắn hạn	41.000.000.000	-	39.500.000.000	-
	179.867.634.128	(105.753.543.784)	183.203.980.241	(105.753.543.784)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	315.321.200.000	294.322.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	299.114.808.446	248.701.767.846
Chi phí phải trả	453.011.086	235.674.191
	614.889.019.532	543.259.842.037

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.272.247.023	-	-	13.272.247.023
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.795.745.821	46.097.500	-	19.841.843.321
Đầu tư ngắn hạn	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
	74.067.992.844	46.097.500	-	74.114.090.344
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.391.138.826	-	-	19.391.138.826
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.513.200.131	46.097.500	-	18.559.297.631
Đầu tư ngắn hạn	39.500.000.000	-	-	39.500.000.000
	77.404.338.957	46.097.500	-	77.450.436.457

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	315.321.200.000	-	-	315.321.200.000
Phải trả người bán, phải trả khác	297.284.080.446	1.830.728.000	-	299.114.808.446
Chi phí phải trả	453.011.086	-	-	453.011.086
	613.058.291.532	1.830.728.000	-	614.889.019.532
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	294.322.400.000	-	-	294.322.400.000
Phải trả người bán, phải trả khác	247.018.147.846	1.683.620.000	-	248.701.767.846
Chi phí phải trả	235.674.191	-	-	235.674.191
	541.576.222.037	1.683.620.000	-	543.259.842.037

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, số liệu tài chính tại thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần của Công ty chưa được phê duyệt chính thức.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Kinh doanh thủy hải sản VND	Gia công và dịch vụ khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	145.128.474.920	55.630.431.742	200.758.906.662
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	#####	(36.004.401.499)	#####
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.837.530.607	19.626.030.243	40.463.560.850
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.761.586.574	2.975.159.853	10.736.746.427
Tài sản bộ phận trực tiếp	110.229.850.078	42.253.142.632	152.482.992.710
Tổng tài sản	110.229.850.078	42.253.142.632	152.482.992.710
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	451.031.780.312	172.888.833.029	623.920.613.341
Tổng nợ phải trả	451.031.780.312	172.888.833.029	623.920.613.341
Theo khu vực địa lý			
	Hoạt động xuất khẩu VND	Hoạt động bán hàng; cung cấp dịch vụ nội địa VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.791.648.362	122.967.258.300	200.758.906.662
Tài sản bộ phận	22.877.294.364	129.605.698.346	152.482.992.710
Tổng chi phí mua TSCĐ	6.370.870.648	4.365.875.779	10.736.746.427

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

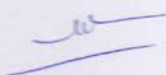
Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn		
Phải trả về cổ tức	1.965.713.000	1.965.713.000
Phải trả khác chờ quyết toán giai đoạn cổ phần hóa	24.799.354.131	24.799.354.131

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.056.250.000	1.521.300.000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.



Đoàn Thị Thu Hà
Người lập biểu



Đoàn Thị Thu Hà
Kế toán trưởng



Trương Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2017



XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Tiên Dũng
TRƯƠNG TIỀN DŨNG